TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2026
v/v ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Ngô Văn T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Bà Đoàn Thị Dịu

- *Thư ký phiên toà*: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 11/11/2004; Căn cước công dân số 001304029177 cấp ngày 25/4/2021; Nơi cư trú: Đ thôn V, xã M, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Ngõ F đường C, phường N, thành phố Hà Nội (có đơn xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh ngày 06/04/1994; Căn cước công dân số 036094004865 cấp ngày 22/12/2021; Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 09 tháng 02 năm 2026, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T tự nguyện kết hôn ngày 11 tháng 08 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Ngô Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Ngọc Diệp C, sinh ngày 01/02/2024. Hiện con chung đang ở với chị D. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu C vì cháu C đang dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của mẹ và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị D xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng không tham gia phiên tòa, anh T không có quan điểm để giải quyết vụ án.

* Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 24/02/2026 tại UBND xã Q, tỉnh Ninh Bình, chính quyền địa phương cung cấp: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 2004 là vợ của anh Ngô Văn T, sinh năm 1994, chị D và anh T đã đăng ký kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống chị D và anh T ly thân nhau từ đầu năm 2024, không đoàn tụ lại. Quá trình chung sống, chị D và anh T có 01 con chung là cháu Ngô Ngọc Diệp C, sinh ngày 01/02/2024, giới tính: nữ; hiện cháu C đang ở với chị D. Hiện nay anh T thường xuyên sinh sống tại thôn N, xã Q, tỉnh Ninh Bình, chị D hiện đang ở ngõ F đường C, phường N, thành phố Hà Nội. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh T thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, anh Ngô Văn T vắng mặt lần 2 không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS. Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị D, anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, xử ly hôn giữa chị D và anh T. Về con chung, chị D và anh T có một con chung là Ngô Ngọc Diệp C, sinh ngày 01/02/2024. Hiện con chung đang ở cùng với chị D. Áp dụng Điều 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX giao cho D tiếp tục nuôi dưỡng con chung Ngô Ngọc Diệp C. Việc chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS. Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt tại các buổi làm việc để xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 08 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Ninh Bình) nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Ngô Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị D quan điểm sống của vợ chồng không hợp nên có xảy ra mâu thuẫn, chị D đưa con gái lên Ngõ F đường C, phường N, thành phố Hà Nội ở và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng anh T không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Ngô Văn T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Ngô Văn T theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Ngọc Diệp C, sinh ngày 01/02/2024, giới tính: Nữ; nay ly hôn chị D đề nghị được nuôi cháu C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, ổn định và sự phát triển mọi mặt của con chung nên giao cháu Ngô Ngọc D1 Chi cho chị D được nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Ngô Ngọc Diệp C, sinh ngày 01/02/2024, giới tính: Nữ. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Ngô Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Nguyễn Thị D đã nộp tại biên lai số 0000710 ngày 09-02-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Ngô Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Bùi Phương Thảo